TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**:*** Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Phó

2/ Ông Đỗ Thanh Hiền

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Song – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Minh N,** sinh năm: 1997

Địa chỉ: ấp 4, xã TH, huyện CT, tỉnh TG.

- Bị đơn: **Nguyễn Trọng H**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: ấp 4, xã TH, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị Ncó đơn xin vắng mặt; Anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Trọng H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vả. Chị N và anh H hiện đã không còn sống chung nhà từ năm 2022 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyệt yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trọng H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Mộc Thanh T, sinh ngày 29/12/2019. Hiện cháu đang sống cùng chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đồng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không yêu cầu.

** Bị đơn anh Nguyễn Trọng H dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mộc Thanh T, sinh ngày 29/12/2019 cho chị Nguyệt trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] – Về tố tụng**: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh H có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Nguyễn Trọng H dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[**1]** – **Về nội dung yêu cầu:** Chị Nguyễn Thị Minh N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trọng H. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Chị N và anh H xác lập hôn nhân vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị N và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẩn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cải vả. Chị N và anh H đã không còn sống cùng nhà từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẩn giữa chị N và anh H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với bị đơn anh Nguyễn Trọng H dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời tại phiên tòa anh H vắng mặt, chứng tỏ anh H không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Mộc Thanh T, sinh ngày 29/12/2019. Xét thấy, cháu T hiện đang sống cùng chị N, được chị N chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về

mọi mặt cho cháu, tránh làm xáo trộn môi trường sống và học tập của cháu, Hội đồng xét xử cần giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở.

[1.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đồng. Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N là đúng quy định của pháp luật. Mức cấp dưỡng chị N yêu cầu là phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, về nhu cầu thiết yếu đảm bảo sinh hoạt cần thiết để nuôi dưỡng con nhỏ và phù hợp với điều kiện kinh tế của anh H. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 2.000.000đồng.

[1.5] Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Hiếu phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh N.

- Chị Nguyễn Thị Minh N được ly hôn với anh Nguyễn Trọng H.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mộc Thanh T, sinh ngày 29/12/2019 cho chị Nguyễn Thị Minh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Trọng H có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Trọng H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Mộc Thanh T, sinh ngày 29/12/2019 mỗi tháng là 2.000.000đồng. Thời gian bắt đầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, lao động được.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0012369 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Trọng H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Chinh